

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 321/2026/TLST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1965

Bà Bùi Thị Đ – Sinh năm 1969

Cùng cư trú tại: Xóm B, xã T, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

UBND xã T, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Xóm L, xã T, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn V đối với thửa đất số 169 tờ bản đồ số 01 diện tích 194m² địa chỉ xóm B, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 148551, số vào sổ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số H00291 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/3/2009 giữa ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn V , được UBND xã B (Nay là xã T) chứng thực số 11 quyền số 01 TP/CT -SCT/HĐGD ngày 14/3/2019 vô hiệu.

- Các bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu bồi thường, không có ý kiến gì khác.

Các bên tự liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để điều chỉnh đăng ký biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất nêu trên.

2.2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006870 ngày 18/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, được đối trừ và nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- Đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS H. Cao PHong
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).